

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ;

Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Toán học;

Chuyên ngành: Giải tích toán học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Đỗ Hoàng Sơn

2. Ngày tháng năm sinh: 05/09/1988; Nam ☒ ; Nữ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):

Xã Vân Hà, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Thôn Sở Tơi, xã Yên Trung, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 18 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0978496943; E-mail: dhson@math.ac.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm: 4/2016

đến tháng, năm: 6/2022

Chức vụ: Hiện nay: Không có; Chức vụ cao nhất đã qua: Không có

Cơ quan công tác hiện nay:

Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Địa chỉ cơ quan: 18 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 37563474 (ext 105)

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Đại học Sư phạm Hà Nội 2; Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội; Học viện Khoa học và Công nghệ.

8. Chưa nghỉ hưu

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội; Học viện Khoa học và Công nghệ.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 16 tháng 06 năm 2010; số văn bằng: 110/QĐ1631K56; ngành: Sư phạm Toán học, chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ĐH : Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 19 tháng 11 năm 2012; số văn bằng: TOULIII 8794641/2012201106728; ngành: Toán học; chuyên ngành: Toán cơ bản và ứng dụng; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Toulouse III, Pháp.

- Được cấp bằng TS ngày 07 tháng 4 năm 2016; số văn bằng: TOULIII 10889265/2016201409355; ngành: Toán học; chuyên ngành: Toán cơ bản; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Toulouse III, Pháp.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Phương trình Monge-Ampère phức parabolic với điều kiện ban đầu suy biến
- Phương pháp nghiệm nhót trong việc nghiên cứu các phương trình kiểu Hessian
- Bao đa điều hòa dưới và ứng dụng
- Một số tính chất của hàm đa điều hòa dưới

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 2 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 3 đề tài cấp cơ sở ;
- Đã công bố 11 bài báo khoa học, trong đó 11 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (10 SCIE và 1 Scopus);

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Không

16. Kỷ luật (hành vi vi phạm từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Chấp hành tốt các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 6 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017					USTH:64		64/64/270
2	2017-2018					USTH:68 SP2:45	HV: 30	143/159,8/270 159,8=68(USTH)+ 46,8(SP2)+45(HV)
3	2018-2019					USTH:68 SP2: 105	HV: 30	203/203/270 203=68(USTH)+ 90(SP2)+45(HV)
03 năm học cuối								
4	2019-2020			ĐHSPHN: 1		USTH:48	HV:60	USTH 48/48/200 HV 60/90/(<350)
5	2020-2021					USTH: 138	HV:60	USTH 138/138/200 HV 60/90/(<350)
6	2021-2022			ĐHKHTN:1		USTH: 168		USTH 168/168/200

Một số ký hiệu trong bảng trên:

ĐHSPHN: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

ĐHKHTN: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

SP2: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

USTH: Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội

HV: Học viện Khoa học và Công nghệ

Số giờ chuẩn định mức đối với giảng viên các môn khoa học, công nghệ của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội kể từ năm học 2020-2021 đến nay được quy định tại Điều 8, chương III trong Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (Ban hành kèm theo Quyết định số 668/QĐ-ĐHKHCN ngày 03/12/2020).

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận văn ThS và luận án TS
tại nước: Pháp năm 2012 (Ths) và năm 2015 (TS).

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội, Việt Nam.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Vũ Tiến Thành		x	x		12/2018 -10/2019	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	21/01/2020
2	Phạm Ngọc Thành Công		x	x		5/2021 -11/2021	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội	28/03/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

1	A Comparison Principle for Parabolic Complex Monge–Ampère Equations	2	x	Journal of Geometric Analysis, ISSN:1050-6926	SCIE, HDGS		Tập 32, Số 1, bài báo số 6	2022
2	On the conditional plurisubharmonic envelopes of bounded functions	2	x	International Journal of Mathematics, ISSN: 0129-167X	SCIE		Tập 32, số 09	2021
3	An integral theorem for plurisubharmonic functions	1	x	Journal of Mathematical Analysis and Applications, ISSN: 0022-247X	SCIE, HDGS		Tập 495, số 2	2021
4	Some remarks on the Cegrell class F	2	x	Annales Polonici Mathematici, ISSN: 0066-2216	SCIE		Tập 125, số 1, trang 13-24	2020
5	Complex Monge-Ampère Equation in Strictly Pseudoconvex Domains	3	x	Acta Mathematica Vietnamica, ISSN:0251-4184	Scopus		Tập 45, số 1, trang 93-101	2020
6	Viscosity solutions to parabolic complex Monge–Ampère equations	3	x	Calculus of Variations and Partial Differential Equations, ISSN:0944-2669	SCIE, HDGS		Tập 59, số 2, bài báo số 45	2020
7	A class of maximal plurisubharmonic functions	1	x	Comptes Rendus Mathematique, ISSN:1631-073X	SCIE		Tập 357, Số 11-12, trang 858-862	2019
8	A viscosity approach to the Dirichlet problem for degenerate complex Hessian type equations	3		Analysis&PDE, ISSN: 2157-5045	SCIE	Google scholar: 20	Tập 12, số 2, trang 505-535	2019
9	Weak solution of Parabolic complex Monge-Ampère equation	1	x	Indiana University Mathematics Journal ISSN:0022-2518	SCIE, HDGS		Tập 66, trang 1949-1979	2017
10	Degenerate complex Monge–Ampère flows on strictly pseudoconvex domains	1	x	Mathematische Zeitschrift ISSN:0025-5874	SCIE, HDGS		Tập 287, trang 587-614	2017

11	Weak solution of parabolic complex Monge–Ampère equation II	1	x	International Journal of Mathematics, ISSN: 0129-167X	SCIE		Tập 27, số 12	2016
----	---	---	---	---	------	--	---------------	------

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 10, gồm các bài báo có số TT từ 1-7 và từ 9-11.

Ký hiệu: HĐGS là danh mục 144 tạp chí quốc tế uy tín có hệ số trích dẫn cao và uy tín cao được công nhận bởi Hội đồng Giáo sư ngành Toán học (kèm theo Quyết định số 26/QĐ-HĐGSNN ngày 08/11/2021)

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

b) Hoạt động đào tạo

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Năm học 2016-2017 thiếu 4 giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Năm học 2016-2017 thiếu 71 giờ chuẩn giảng dạy quy đổi.

c) Nghiên cứu khoa học

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)


Đỗ Hoàng Sơn